TÒA ÁN NHÂN DÂN
THI XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG

Bản án số: 63/2022/DS-ST
Ngày: 08/7/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

Ông Triệu Khánh Long.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Trần Thị Thanh Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 229/2021/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2022/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2022/QĐST-DS ngày 20/6/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Đại H, sinh năm: 1973; (Chủ hộ kinh doanh Trường H1).

Địa chỉ: Số nhà T, khóm T N, phường K H, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Đại H: Chị Nguyễn Minh T, sinh năm 1995; (Văn bản ủy quyền lập ngày 07/01/2022). Chị T có mặt.

Địa chỉ: Số nhà T, khóm T N, phường K H, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Ông Thạch Hoàng B, sinh năm 1977 và bà Trương Thị Kiều T1, sinh năm 1994; (đều vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp G L, xã H Đ, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Triệu Văn T3, sinh năm 1957; Địa chỉ: Ấp H K, xã V H, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/11/2021 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Minh T trình bày:

Từ năm 2019 đến năm 2020, ông Trần Đại H (Chủ hộ kinh doanh Trường H1), có giao kết hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm do Công ty Việt Hoa sản xuất và thuốc thủy sản với vợ chồng ông Thạch Hoàng B và bà Trương Thị Kiều T1. Tuy nhiên, sau khi thu hoạch tôm vợ chồng ông Thạch Hoàng B và bà Trương Thị Kiều T1 không thực hiện nghĩa vụ thanh nợ như đã thỏa thuận. Vào ngày 13/02/2020 hai bên đối chiếu nợ, vợ chồng ông Thạch Hoàng B và bà Trương Thị Kiều T1 còn nợ tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản của ông Trần Đại H với số tiền là 229.188.000 đồng (Hai trăm hai mươi chín triệu một trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Đại H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc các bị đơn ông Thạch Hoàng B và bà Trương Thị Kiều T1 phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ nêu trên là 229.188.000 đồng (Hai trăm hai mươi chín triệu một trăm tám mươi tám nghìn đồng).

- Trường hợp đến thời hạn trả nợ, ông Thạch Hoàng B và bà Trương Thị Kiều T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không có khả năng trả nợ cho ông Trần Đại H thì buộc ông Triệu Văn T3 phải có trách nhiệm trả thay số nợ nêu trên cho ông Trần Đại H như đã thỏa thuận trong hợp đồng ngày 03/8/2019.

Đối với các bị đơn ông Thạch Hoàng B và bà Trương Thị Kiều T1:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp để kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật và triệu tập hợp lệ đối với các bị đơn ông Thạch Hoàng B và bà Trương Thị Kiều T1, nhưng ông B và bà T1 vắng mặt và không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Tòa án có thông báo kết quả mở phiên họp cho ôngThạch Hoàng B và bà Trương Thị Kiều T1 biết.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Triệu Văn T3 trình bày:

Ông Triệu Văn T3 thống nhất với nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đại H và thừa nhận ông Thạch Hoàng B và bà Trương Thị Kiều T1 còn nợ tiền thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản của ông Trần Đại H với số tiền là 229.188.000 đồng. Đồng thời, ông T3 có đứng ra B lãnh cho ông Thạch Hoàng B và bà Trương Thị Kiều T1 nếu không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không có khả năng trả nợ cho ông Trần Đại H thì ông Triệu Văn T3 có trách nhiệm trả thay số nợ nêu trên cho ông Trần Đại H như đã thỏa thuận trong hợp đồng ngày 03/8/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn ông Trần Đại H khởi kiện yêu cầu các bị đơn ông Thạch Hoàng B và bà Trương Thị Kiều T1 phải có nghĩa vụ thanh toán nợ tiền mua thức ăn nuôi tôm, thuốc thủy sản với số tiền là 229.188.000 đồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Tòa án thụ lý giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa: Các bị đơn ông Thạch Hoàng B, bà Trương Thị Kiều T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với các bị đơn ông Thạch Hoàng B và bà Trương Thị Kiều T1 theo quy định của pháp luật.

Về nội dung:

[1] Từ năm 2019 đến năm 2020, vợ chồng ông Thạch Hoàng B và bà Trương Thị Kiều T1 có mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản của ông Trần Đại H và tính đến ngày 13/02/2020 còn nợ với số tiền là 229.188.000 đồng. Việc hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản giữa ông Trần Đại H với ông Thạch Hoàng B và bà Trương Thị Kiều T1 gồm có: Hợp đồng mua bán lập ngày 18/4/2019 và ngày 03/8/2019; Sổ giao nhận hàng; bảng đối chiếu nợ ngày 13 tháng 02 năm 2020. Đồng thời, tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Triệu Văn T3 cũng thừa nhận ông Thạch Hoàng B và bà Trương Thị Kiều T1 có mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản của ông Trần Đại H còn nợ số tiền nêu trên và ông T3 là người đứng ra B lãnh trả nợ thay nếu B và T1 không thanh toán nợ cho ông Trần Đại H. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì nguyên đơn ông Trần Đại H không cần phải chứng minh.

[2] Đối với ông Triệu Văn T3: Tại Điều 6 của Hợp đồng mua bán lập ngày 03/8/2019, ông T3 có thỏa thuận, nếu ông Thạch Hoàng B và bà Trương Thị Kiều T1 không trả nợ hoặc không có khả năng trả cho ông Trần Đại H thì ông T3 có trách nhiệm trả hết số nợ nêu trên cho ông Trần Đại H. Do đó, căn cứ vào các Điều 335, 336, 339, 342 của Bộ luật dân sự, trong trường hợp đến thời hạn trả nợ, mà ông Thạch Hoàng B và bà Trương Thị Kiều T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không có khả năng trả nợ cho ông Trần Đại H thì ông Triệu Văn T3 phải có trách nhiệm trả hết số nợ nêu trên cho ông Trần Đại H như đã thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về lãi suất chậm trả: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Đại H không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Từ những nhận định nêu trên, căn cứ vào các Điều 335, 336, 339, 342, 430; 440; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đại H. Buộc các bị đơn ông Thạch Hoàng B và bà Trương Thị Kiều T1 phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ cho ông Trần Đại H với số tiền là 229.188.000 đồng (Hai trăm hai mươi chín triệu một trăm tám mươi tám nghìn đồng). Khi đến thời hạn trả nợ, ông Thạch Hoàng B và bà Trương Thị Kiều T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không có khả năng trả nợ cho ông Trần Đại H thì ông Triệu Văn T3 phải có trách nhiệm trả hết toàn bộ số nợ nêu trên cho ông Trần Đại H.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đại H được chấp nhận, nên các bị đơn ông Thạch Hoàng B và bà Trương Thị Kiều T1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 144, 146, 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 288; 335, 336, 339, 342; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đại H.

- Buộc các bị đơn ông Thạch Hoàng B và bà Trương Thị Kiều T1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ cho ông Trần Đại H với số tiền là 229.188.000 đồng (Hai trăm hai mươi chín triệu một trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Khi đến thời hạn trả nợ, ông Thạch Hoàng B và bà Trương Thị Kiều T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không có khả năng trả nợ cho ông Trần Đại H thì buộc ông Triệu Văn T3 phải có nghĩa vụ trả nợ thay toàn bộ số nợ nêu trên cho ông Trần Đại H.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Trần Đại H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Thạch Hoàng B và bà Trương Thị Kiều T1 còn phải liên đới trả lãi cho ông Trần Đại H theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Thạch Hoàng B và bà Trương Thị Kiều T1 phải liên đới chịu là 11.459.400 đồng (Mười một triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn bốn trăm đồng).

- Nguyên đơn ông Trần Đại H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Trần Đại H tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp với số tiền là 5.730.000 đồng (Năm triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002256 ngày 03/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với các bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014)".

Nơi nhận:

- VKSND TX Vĩnh Châu;
- THADS TX Vĩnh Châu;
- Phòng kiểm tra ngH vụ & thi hành án TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vũ Phương